

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI KHI LY HÔN TRONG PHÁP LUẬT CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA VÀ GỢI MỞ CHO VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

LÊ VĨNH CHÂU

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: lvchau@hcmulaw.edu.vn

NGÔ KHÁNH TÙNG

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: nktung@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích, đánh giá quy định về bồi thường thiệt hại khi ly hôn được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2020 của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Trên cơ sở đối chiếu các quy định liên quan trong pháp luật cũng như thực tiễn pháp lý tại Việt Nam, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam từ việc tiếp thu kinh nghiệm của pháp luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa nhằm bảo vệ hiệu quả hơn quyền lợi của bên vợ, chồng bị thiệt hại xuất phát từ việc ly hôn do lỗi của bên chồng, vợ còn lại.

Từ khóa: bồi thường thiệt hại, ly hôn, bộ luật dân sự, hôn nhân và gia đình

Abstract

The authors focus on analysing and evaluating the regulations on compensation for damages upon divorce regulated in the 2020 Civil Code of the People's Republic of China. Based on a comparison with relevant regulations in law as well as legal practice in Vietnam today, the authors make some recommendations to improve Vietnamese marriage and family law by learning from the experience related to the law of the People's Republic of China to protect more effectively the rights of one spouse who suffers damage arising from divorce due to the fault of the other spouse.

Keywords: compensation for damages, divorce, civil code, marriage and family

Ngày nhận bài: 17/08/2023

Ngày duyệt đăng: 15/12/2023

Bạo lực gia đình, ngoại tình là những hành vi phổ biến làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân chính của những mâu thuẫn, bất đồng trong đời sống vợ chồng. Đây cũng là những hành vi có tính chất điển hình, là “ngọn nguồn” chủ yếu dẫn đến tình trạng ly hôn trong xã hội Việt Nam xưa và nay. Trên phương diện pháp lý, nhà làm luật Việt Nam đã định liệu các cơ chế pháp lý có tính trừng phạt, răn đe nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng này trong thực tế. Thông qua các chế tài dân sự, hành chính, hình sự, các chủ thể vi phạm phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi của mình gây ra. Dẫu vậy, bàn về chế tài dân sự, với những quy tắc minh định trong việc phân chia tài sản xét đến lỗi của vợ, chồng dẫn đến ly hôn, nhà làm luật phần nào đã quan tâm bảo vệ quyền lợi của bên vợ

hoặc chồng không có lỗi trong việc ly hôn. Tuy nhiên, trong việc phân chia tài sản khi ly hôn, cơ quan tài phán khó vận dụng quy định này để bảo vệ quyền lợi cho bên không có lỗi. Vì thế, trong thời gian tới, việc nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền của vợ, chồng khi ly hôn là một vấn đề mang ý nghĩa về mặt pháp lý lẫn thực tế.

Bài viết, nghiên cứu so sánh, pháp luật của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) hiện hành có ghi nhận về cơ chế bồi thường thiệt hại (BTTH) khi ly hôn, và đây là nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa minh định. Việc nghiên cứu cơ chế pháp lý này mở ra một hướng đi mới trong tiến trình hoàn thiện các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện hành, góp phần bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình nói chung, bảo vệ quyền lợi của bên vợ, chồng không có lỗi dẫn đến ly hôn nói riêng.

1. Pháp luật Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bồi thường thiệt hại khi ly hôn

Hiện nay, quan hệ hôn nhân và gia đình ở Trung Quốc chịu sự điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự (viết tắt là BLDS) năm 2020. Quyển thứ năm, từ Điều 1040 đến Điều 1118 của Bộ luật ghi nhận các quy định chung và các chế định pháp lý đặc thù như kết hôn, quan hệ gia đình, ly hôn, nhận nuôi con nuôi. Nhìn tổng quan, bên cạnh việc kế thừa các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình (viết tắt là Luật HNGĐ) năm 1980, sửa đổi năm 2001, nhà làm luật Trung Quốc đã sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn xã hội của quốc gia này, trong đó, chế định BTTH khi ly hôn là một “điểm sáng” đáng chú ý.

Bên cạnh quy định về đền bù kinh tế khi ly hôn,¹ pháp luật Trung Quốc còn quy định về BTTH khi ly hôn. Nếu như việc đền bù kinh tế khi ly hôn góp phần bù đắp lại những thiệt thòi do một bên vợ hoặc chồng đã bỏ thời gian, công sức để làm công việc nội trợ, chăm sóc gia đình; thì quy định về BTTH khi ly hôn là phương thức bảo vệ hiệu quả lợi ích hợp pháp của người yếu thế, cung cấp sự bảo vệ pháp lý cho bên không có lỗi bị thiệt hại khi ly hôn, đồng thời duy trì sự ổn định của đời sống hôn nhân và gia đình.² Dưới khía cạnh lý luận, BTTH được hiểu là một chế tài dân sự buộc bên gây thiệt hại phải có trách nhiệm đền bù những tổn thất (về vật chất hoặc tinh thần)

1 Quy định về đền bù kinh tế khi ly hôn được nhà làm luật Trung Quốc ghi nhận tại Điều 1088 BLDS năm 2020. Theo đó, nếu một bên vì nuôi dưỡng con, chăm sóc người già, trợ giúp bên kia công tác mà gánh vác nhiều nghĩa vụ hơn thì khi ly hôn có quyền yêu cầu bên kia đền bù, bên kia phải đưa ra đền bù. Biện pháp cụ thể do hai bên thỏa thuận; nếu thỏa thuận bất thành thì do Tòa án nhân dân phán quyết. Xem: Lê Khánh Linh và các tác giả khác, *BLDS Trung Quốc 2020 (Bản dịch và lược giải)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, tr. 320-321.

2 Zhenyuan Jin, “Legal Thoughts on the Divorce Damage Compensation System”, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Atlantis Press, Vol. 416, 2020, tr. 613.

gây ra đối với bên bị thiệt hại.³ Khi hành vi vi phạm nghĩa vụ hôn nhân gây tổn hại nghiêm trọng đến mối quan hệ giữa vợ và chồng, dẫn đến hôn nhân tan vỡ thì người vợ hoặc chồng có trách nhiệm phải chịu một số hậu quả pháp lý như BTTH.⁴

Điều 46 Luật HNGĐ Trung Quốc năm 1980, sửa đổi năm 2001 ghi nhận bốn trường hợp phát sinh trách nhiệm BTTH khi ly hôn bao gồm: đa thê; chung sống như vợ chồng với người khác; bạo lực gia đình; ngược đãi, ruồng bỏ các thành viên trong gia đình. Thế nhưng, xuất phát từ sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội, những hành vi xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ hôn nhân không chỉ giới hạn ở bốn loại hành vi kể trên. Chẳng hạn, tệ nạn mại dâm, cờ bạc, ma túy và vợ hoặc chồng vi phạm pháp luật hình sự là những tình tiết có thể dẫn đến hôn nhân tan vỡ. Vì vậy, sẽ là vô lý và bất công cho bên chịu thiệt thòi nếu không được bồi thường⁵ do “yêu cầu BTTH khi ly hôn, như tên gọi của nó, là một yêu cầu bồi thường dựa trên lỗi phát sinh từ việc vợ hoặc chồng thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội và/hoặc hành vi sai trái nào nêu trên”.⁶

Xuất phát từ thực tiễn nói trên, BLDS Trung Quốc năm 2020 đã bổ sung quy định về điều khoản dự phòng bồi thường. Cụ thể, Điều 1091 BLDS Trung Quốc năm 2020 quy định:

“Nếu vì một trong những trường hợp sau đây dẫn đến ly hôn thì bên không có lỗi có quyền yêu cầu BTTH: (i) Trùng hôn; (ii) Chung sống với người khác; (iii) Có hành vi bạo lực gia đình; (iv) Ngược đãi, ruồng bỏ thành viên gia đình; (v) Có lỗi nghiêm trọng khác”.⁷

Theo quy định này, pháp luật Trung Quốc đã ghi nhận các căn cứ để Tòa án xem xét quy kết trách nhiệm BTTH khi ly hôn. Nhìn chung, đây đều là những hành vi trái đạo đức cũng như luân thường đạo lý trong đời sống vợ chồng và chủ thể thực hiện hành vi này cần phải chịu những chế tài thích đáng. Trong đó, để bù đắp những tổn thất mà bên vợ hoặc chồng không có lỗi phải gánh chịu, việc quy định trách nhiệm BTTH là cần thiết, một mặt răn đe, trừng phạt bên có lỗi, mặt khác góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng của bên bị thiệt hại.

Lỗi trong hôn nhân bao giờ cũng được xác định ở hành vi chứ không phải ở trạng thái tinh thần của các bên trong hôn nhân, đặc biệt trong

3 Để tìm hiểu thêm về bồi thường thiệt hại, xem Le Truong Son, Nguyen Xuan Quang, “Fault is not a condition for determination of liability for non-contractual damage - A development in human rights protection in Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 08, No. 01, 2023, DOI: 10.2478/vjls-2023-0005, tr. 99-109.

4 Xu Li, “Compensatory Damages in Divorce Proceedings Under the Marriage Law of China”, *Singapore Journal of International & Comparative Law*, No. 7, 2003, tr. 61.

5 Zhenyuan Jin, *tlđđ*, tr. 615.

6 Jason J. Lee, “Does China Have Alimony?: A Study of China’s Current Post-Divorce Financial Relief System”, *UCLA Pacific Basin Law Journal*, Vol. 36, Iss. 2, 2019, tr. 119.

7 Lê Khánh Linh và các tác giả khác, *tlđđ*, tr. 321.

trường hợp các bên có hành vi sai trái có thể dẫn đến đổ vỡ hôn nhân.⁸ Nhìn tổng quan, có hai nhóm hành vi có thể được xem xét như căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH khi ly hôn, cụ thể là hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy giữa vợ và chồng và hành vi bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, BLDS Trung Quốc năm 2020 đưa ra quy định mở để Tòa án xem xét, đánh giá từng trường hợp phát sinh từ thực tiễn mà nhà làm luật chưa thể dự liệu đầy đủ. “Định nghĩa về lỗi nghiêm trọng khác nên được quyết định dựa trên hành vi được liệt kê, từ bản chất của hành vi, thiệt hại gây ra cho bên kia cũng như đánh giá chung của mọi người về hành vi đó”.⁹ Các hành vi này khá đa dạng, đó có thể là hành vi xâm phạm quyền, lợi ích của vợ, chồng như cố tình lây bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng cho đối phương, ép buộc vợ bán dâm...; các hành vi gian lận trong hôn nhân và gia đình như che giấu khuyết điểm sinh lý, hành vi người vợ che giấu sự thật khiến người chồng nuôi con không phải là con đẻ của mình mà không biết... Tùy vào tính chất của hành vi mà các lỗi nghiêm trọng này có thể gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho bên vợ hoặc chồng bị thiệt hại.¹⁰

BTTH khi ly hôn là một dạng trách nhiệm BTTH đặc biệt. Đó là trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng do vi phạm quyền, nghĩa vụ về nhân thân của một chủ thể dân sự đặc biệt – là chồng hoặc vợ của người bị vi phạm. Rõ ràng, các hành vi được liệt kê tại Điều 1091 BLDS Trung Quốc là những hành vi sai trái, đi ngược lại với mục đích của quan hệ hôn nhân. Song, để quy kết trách nhiệm BTTH thì những hành vi kể trên của một bên vợ hoặc chồng phải dẫn đến hệ quả cuối cùng là ly hôn và việc ly hôn này gây ra những thiệt hại cho bên chồng hoặc vợ không có lỗi. Trong trường hợp hành vi sai trái không dẫn đến tình trạng ly hôn, thì bên chịu thiệt thòi từ hành vi sai trái không thể đòi BTTH khi ly hôn mà có thể tìm kiếm biện pháp khắc phục từ các nguyên tắc chung của trách nhiệm pháp lý ngoài ý muốn.¹¹ Nếu các hành vi này không phải là nguyên nhân dẫn đến ly hôn thì bên thiệt hại từ hành vi có thể yêu cầu chủ thể gây thiệt hại (có thể là vợ hoặc chồng của họ) bồi thường theo quy định về BTTH ngoài hợp đồng thông thường. Nói tóm lại, giữa hành vi của vợ hoặc chồng với việc ly hôn phải có mối quan hệ nhân quả thì mới có khả năng áp dụng cơ chế BTTH khi ly hôn. Bên cạnh đó, cần phải làm rõ việc ly hôn có gây ra thiệt hại gì hay không. Nếu không có thiệt hại thì không đặt ra trách nhiệm bồi thường và thiệt hại ở đây “ám chỉ” thiệt hại của chính việc ly hôn đối với bên không có lỗi. Nói cách khác, cần xác định mối

8 Xu Li, *tldd*, tr. 62.

9 Mingyu Hu, Xunan Luo, “Study on Application of Divorce Relief System in Chinese Civil Code”, *Beijing Law Review*, No. 11, 2020, tr. 971.

10 Mingyu Hu, Xunan Luo, *tldd*, tr. 972.

11 Xu Li, *tldd*, tr. 67.

quan hệ nhân quả giữa việc ly hôn và thiệt hại của bên không có lỗi dẫn đến ly hôn phải gánh chịu.¹²

Tương tự với pháp luật Việt Nam,¹³ theo cơ chế tố tụng dân sự ở Trung Quốc, người có yêu cầu BTTH khi ly hôn là chủ thể có nghĩa vụ chứng minh. Trong thực tế, việc tìm kiếm các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu BTTH khi ly hôn thực sự rất khó khăn. Lý do vì đặc thù của quan hệ hôn nhân là lòng tin giữa đôi bên. Nhân chứng chứng kiến hành vi sai trái của một bên vợ, chồng thường là các thành viên trong gia đình, nên có thể không sẵn sàng làm chứng trước Tòa án nhằm bảo vệ quyền riêng tư của gia đình. Mặt khác, ngay cả khi tìm ra manh mối, những hành vi như thuê thám tử tư, theo dõi, ghi âm bí mật sẽ bị Tòa án coi là vi phạm pháp luật,¹⁴ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của các thành viên trong gia đình nói chung.

2. Thực trạng pháp luật Việt Nam và đề xuất ghi nhận cơ chế bồi thường thiệt hại khi ly hôn

Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.¹⁵ Về mặt lý thuyết, ly hôn là việc “cắt đứt” hoàn toàn mối quan hệ tình cảm, gắn bó giữa vợ và chồng. Bản chất của hôn nhân xuất phát từ tình yêu chân chính giữa nam và nữ; tuy nhiên vì một lý do nào đó, vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì ly hôn được xem như một giải pháp mang tính tất yếu.

Luật HNGĐ Việt Nam hiện hành đã quy định một cách tường minh về nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa vợ và chồng. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014, “vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Trong thực tiễn, một trong số những nguyên do phổ biến khiến đời sống hôn nhân không thể duy trì là hành vi bạo lực gia đình, không chung thủy của một bên vợ hoặc chồng... Hiện nay, không có khái niệm pháp lý về sự không chung thủy, nhưng có thể suy luận hành vi ngoại tình là biểu hiện của sự không chung thủy.¹⁶

Pháp luật Việt Nam đã có một hệ thống các chế tài xử lý các hành vi bạo lực gia đình hay vi phạm nghĩa vụ chung thủy giữa vợ và chồng trong văn

12 Qian Wu, “Foreign Divorce Damage Compensation System and Its Inspiration to Our Country”, *International Journal of Education and Humanities*, Vol. 7, No. 3, 2023, tr. 116.

13 Theo Điều 6, Điều 92 BLTTDS Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020 và 2022), đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, trừ một số trường hợp ngoại lệ được luật định liệu.

14 Zhenyuan Jin, *tlđđ*, tr. 615.

15 Khoản 14 Điều 3 của Luật HNGĐ năm 2014.

16 Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (Tập 1: Các quan hệ nhân thân về gia đình)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 153.

bản pháp luật về dân sự, hành chính, hình sự. Chẳng hạn, đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy, khoản 1 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã quy định: “Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: ... Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác; Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ...”. Song song với đó, Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình cũng liệt kê hàng loạt cơ chế xử lý hành vi xâm hại sức khỏe, hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình, hành vi bạo lực về kinh tế... Đồng thời, người có hành vi bạo lực gia đình hay không chung thủy cũng có thể phải gánh chịu các chế tài hình sự tương thích nếu hội đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Tuy nhiên, các chế tài vừa nêu mang đậm tính “trừng phạt” chủ thể có hành vi xâm phạm bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù..., chứ chưa trực tiếp bù đắp những gì mà chủ thể bị thiệt hại phải gánh chịu từ chính hành vi của chồng, vợ mình gây ra. Vì vậy, chế tài dân sự có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc trực tiếp bảo vệ quyền lợi của người vợ, chồng là nạn nhân của bạo lực gia đình, của hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy mà luật thực định đã đề ra.

Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa quy định cơ chế BTTH khi ly hôn. Song thông qua quy định về xem xét yếu tố lỗi của mỗi bên vợ, chồng khi giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn tại điểm d khoản 2 Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014, có thể nhận thấy, quyền lợi của bên vợ, chồng không có lỗi dẫn đến ly hôn, ở chừng mực nhất định, đã được pháp luật quan tâm, bảo vệ. Việc xem xét, đánh giá yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là việc làm cần thiết. Bằng quy phạm tại điểm d khoản 2 Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014 và hướng dẫn tại điểm d khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, quyền lợi của bên vợ, chồng không có lỗi sẽ được pháp luật bảo vệ bằng căn cứ phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tuy vậy, vấn đề ở đây là cơ quan tài phán khó hoặc thậm chí không có cơ sở để xác định mức độ lỗi, từ đó gặp lúng túng khi phải định ra tỷ lệ phân chia tài sản sao cho thỏa đáng. Trở lực này khiến các phán quyết chia tài sản chung khi ly hôn của cơ quan tài phán, ở một mức độ nhất định, thiếu đi tính toàn diện khi bỏ qua căn cứ lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng khi chia tài sản.

Thực tiễn xét xử các vụ việc ly hôn cho thấy nguyên nhân chính để một bên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thường bắt nguồn từ việc một bên vợ hoặc chồng không chung thủy, như có hành vi ngoại tình, sống chung như vợ chồng với người khác, hoặc một số trường hợp do mâu thuẫn, bất đồng trong đời sống vợ chồng mà một bên vợ hoặc chồng có hành vi đánh đập, hành hạ hoặc hành vi có tính chất bạo lực gia đình khác đối với chồng hoặc vợ mình. Song, trong hầu hết các vụ việc ly hôn, việc xem xét yếu tố này làm căn cứ để giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn chưa được quan tâm một cách thấu đáo. Minh chứng là trong nhiều vụ việc được Tòa án thụ lý và giải quyết trong thực tiễn, mặc dù các đương sự đều thừa nhận hành vi (không chung thủy hoặc hành vi bạo lực gia đình) nhưng Tòa án dường như “quên lãng” việc xem xét đến yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của vợ chồng khi tiến hành việc phân chia tài sản chung.¹⁷ Theo tác giả, trong bối cảnh giải quyết quan hệ tài sản của vợ chồng thì chỉ nên đánh giá, nhìn nhận lỗi của vợ chồng trong vi phạm quyền, nghĩa vụ về tài sản, cụ thể hơn là một bên có hành vi phá sản tài sản.¹⁸ Còn việc vi phạm quyền, nghĩa vụ về nhân thân thì cần có một cơ chế pháp lý khác phù hợp hơn điều chỉnh nhằm bảo vệ quyền lợi của bên vợ, chồng không có lỗi.

Chúng ta có thể tham khảo kinh nghiệm của pháp luật Trung Quốc về BTTH khi ly hôn. Theo nguyên tắc chung về căn cứ phát sinh trách nhiệm BTTH ngoài hợp đồng, không phải trong mọi trường hợp, nếu một bên vợ hoặc chồng vi phạm nghĩa vụ chung thủy hay một bên có hành vi bạo lực gia đình... thì loại trách nhiệm này phát sinh, mà đòi hỏi phải có hậu quả xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Theo đó, hành vi bạo lực gia đình hoặc không chung thủy của một bên vợ hoặc chồng phải dẫn đến hậu quả mâu thuẫn giữa vợ, chồng không thể hàn gắn được và vợ, chồng quyết định ly hôn và việc ly hôn này gây ra thiệt hại cho bên vợ hoặc chồng không có lỗi. Đồng thời, điều này cũng khá tương thích với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 về căn cứ ly hôn. Theo đó, “khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

17 Bản án số 15/2016/HNGĐ-ST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng về việc xin ly hôn; Bản án số 1015/2017/HNGĐ-PT ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về tranh chấp ly hôn.

18 Đây cũng là quan điểm được nhóm tác giả thể hiện trong bài viết: Lê Vinh Châu, Ngô Khánh Tùng, “Bàn về yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng khi giải quyết tài sản trong vụ án ly hôn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 02, 2022, tr. 12-16.

Liên quan đến vấn đề BTTH giữa vợ và chồng, thực tiễn xét xử ở Việt Nam cũng từng xảy ra trường hợp một bên vợ hoặc chồng khi ly hôn yêu cầu Tòa án buộc bên còn lại BTTH về tuổi thanh xuân.¹⁹ Tuy nhiên, yêu cầu này không được Tòa án chấp nhận vì không có cơ sở. Xét ở góc độ nội dung, “hôn nhân theo pháp luật Việt Nam được xây dựng trên nền tảng tự nguyện của người nam và người nữ, xuất phát từ yếu tố tình cảm, tình yêu giữa hai người, chứ không phải là một hợp đồng dân sự...”.²⁰ Do đó, trong bối cảnh ở vụ việc này, theo tác giả, việc Tòa án không chấp nhận yêu cầu BTTH về tuổi thanh xuân là hợp lý. Thế nhưng, nếu như một bên vợ hoặc chồng yêu cầu BTTH do trong thời kỳ hôn nhân, người chồng hoặc vợ còn lại có những hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng như có hành vi ngoại tình hay hành vi bạo lực gia đình, và những hành vi này là nguyên nhân dẫn đến việc đời sống hôn nhân không thể duy trì, đồng thời việc ly hôn này đã ảnh hưởng xấu, gây xáo trộn đến đời sống của bên vợ hoặc chồng không có lỗi thì yêu cầu này nên được chấp nhận. Do vậy, việc ghi nhận cơ chế pháp lý về BTTH khi ly hôn trong Luật HNGĐ Việt Nam là cần thiết. Về nội dung, pháp luật Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm của pháp luật Trung Quốc ở việc giới hạn một số nhóm hành vi cụ thể là nguyên nhân dẫn đến ly hôn là cơ sở xem xét trách nhiệm BTTH của bên vợ, chồng là người có lỗi. Thêm vào đó, nhà làm luật cũng nên đưa ra quy định mang tính mở để cơ quan tài phán có thể linh hoạt suy xét các tình huống khác có thể là nguyên nhân dẫn đến ly hôn, và bên không có lỗi phải gánh chịu những thiệt hại, tổn thất nhất định từ những hành vi đó.

Từ những phân tích và lý giải nêu trên, tác giả kiến nghị nhà làm luật bổ sung quy định tại Điều 56a Luật HNGĐ năm 2014, cụ thể như sau:

“Điều 56a. Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi ly hôn

Khi ly hôn, một bên vợ hoặc chồng có quyền yêu cầu bên kia phải bồi thường thiệt hại cho mình trong trường hợp người đó có hành vi bạo lực gia đình, không chung thủy hoặc có hành vi khác vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến ly hôn”.

Qua quy định được đề xuất này, có một số điểm cần lưu ý như sau:

(i) Về xem xét yếu tố lỗi của vợ, chồng dẫn đến ly hôn:

Tham khảo hướng dẫn tại Điều 29 Giải thích Tư pháp Luật Hôn nhân của Trung Quốc trước đây, có thể thấy, chủ thể có quyền yêu cầu BTTH là bên không có lỗi trong quá trình tiến hành tố tụng ly hôn.²¹ Trong

19 Quyết định số 191/2015/DS-GĐT ngày 21/5/2015 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao; Xem: Lê Vinh Châu (chủ biên), *Sách tình huống (bình luận bản án) Luật Hôn nhân và gia đình*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2018, tr. 189.

20 Lê Vinh Châu (chủ biên), *tlđđ*, tr. 192.

21 Điều 1091 của BLDS Trung Quốc năm 2020 cũng dùng thuật ngữ “bên không có lỗi” là chủ thể có quyền yêu cầu BTTH.

trường hợp cả vợ chồng đều vi phạm quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân thì yêu cầu BTTH khi ly hôn của một hoặc hai vợ chồng sẽ bị Tòa án bác bỏ. Nói cách khác, vấn đề so sánh lỗi của các bên sẽ không được áp dụng trong hệ thống BTTH khi ly hôn ở Trung Quốc.²² Tuy nhiên, thực tiễn đời sống cho thấy ít có trường hợp một bên hoàn toàn không có lỗi và có quan điểm cho rằng, cách diễn đạt của bên có lỗi và bên không có lỗi theo Luật Hôn nhân đã làm giảm đáng kể phạm vi đối tượng được bồi thường.²³ Theo quan điểm của tác giả, trong trường hợp hai bên cùng có lỗi dẫn đến ly hôn thì việc so sánh lỗi giữa các bên là việc làm cực kỳ khó, có thể gây trở ngại lớn cho cơ quan tài phán trong việc quy kết trách nhiệm BTTH cho một bên và ấn định mức bồi thường phù hợp. Vì vậy, tác giả cho rằng bên vợ hoặc chồng chỉ có quyền yêu cầu BTTH khi ly hôn trong trường hợp bản thân không phạm bất kỳ lỗi nào dẫn đến ly hôn được ghi nhận tại Điều 56a nêu trên.

(ii) Về nghĩa vụ chứng minh:

Theo nguyên lý chung của pháp luật về tố tụng dân sự, bên vợ hoặc chồng yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là phù hợp và đúng pháp luật, bao gồm việc chứng minh hành vi trái pháp luật của bên kia là nguyên nhân dẫn đến ly hôn và bản thân người yêu cầu phải chứng minh thiệt hại mà mình phải gánh chịu từ việc ly hôn.

(iii) Về xác định loại thiệt hại và ấn định mức bồi thường:

Sự kiện ly hôn có thể ảnh hưởng đến đời sống vật chất hoặc tinh thần của các bên. Ở khía cạnh vật chất, các quy định của pháp luật về phân chia tài sản chung của vợ chồng hay cơ chế cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn²⁴ phần nào cho thấy nhà làm luật đã có sự bảo vệ nhất định đối với bên vợ hoặc chồng không có lỗi dẫn đến ly hôn hoặc bảo đảm một phần nào đó nhu cầu trong cuộc sống sau ly hôn cho bên vợ, chồng có khó khăn, túng thiếu.

Bên cạnh đời sống vật chất, thì những khoản bù đắp tổn thất về tinh thần cũng nên được xem xét, đánh giá nhằm bảo đảm quyền lợi cho bên vợ hoặc chồng không có lỗi dẫn đến ly hôn. Đối với cơ chế BTTH khi ly hôn, BTTH cho bên không có lỗi chỉ được tính khi sự kiện ly hôn gây ra những thiệt hại nhất định cho bên vợ, chồng không có lỗi. Nhìn từ thực tế, việc xác định thiệt hại và tính toán mức bồi thường là một thách thức lớn đối với cơ quan tài phán trong quá trình xét xử, do đó pháp luật cần có quy định hướng dẫn cụ thể về vấn đề này. Về mức bồi thường tổn thất về tinh thần, theo

22 Wei Chen, Lei Shi and Xin Zhang, “The Divorce Damages System in China: Legislation and Practice”, *International Journal of Law, Policy and The Family*, số 30(1), 2016, tr. 106.

23 Zhenyuan Jin, *lđđ*, tr. 614.

24 Theo Điều 115 Luật HNGĐ năm 2014: “Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình”.

quan điểm của tác giả, Tòa án có thể áp dụng tương tự quy định của pháp luật dân sự về thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm.²⁵ Cụ thể, mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Việc đưa ra quy định về mức bồi thường tối đa tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan tài phán trong việc ấn định mức bồi thường phù hợp với tính chất bù đắp kịp thời những thiệt hại cho bên không có lỗi trong việc ly hôn, đồng thời tránh tình trạng bên không có lỗi yêu cầu một mức bồi thường vô lý, thiếu khả thi. Nếu ấn định một mức bồi thường quá cao có thể gây ảnh hưởng đến cuộc sống của bên chồng, vợ còn lại và có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của họ với những chủ thể khác như vấn đề thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Vinh Châu (chủ biên), *Sách tình huống (bình luận bản án) Luật Hôn nhân và gia đình*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2018 [trans: Le Vinh Chau (ed.), *Casebook (Commentary on Judgments) on Marriage and Family Law*, Publishing House – Vietnam Lawyers Association, 2018]
- [2] Lê Vinh Châu, Ngô Khánh Tung, “Bàn về yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng khi giải quyết tài sản trong vụ án ly hôn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 02, 2022 [trans: Le Vinh Chau, Ngo Khanh Tung, “Discussing the Fault of Each Party in Violating the Rights and Duties of Spouses When Settling Assets in Divorce Cases”, *Journal of the People’s Court*, No. 02, 2022]
- [3] Wei Chen, Lei Shi and Xin Zhang, “The Divorce Damages System in China: Legislation and Practice”, *International Journal of Law, Policy and The Family*, 30(1), 2016
- [4] Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình (Tập 1: Các quan hệ nhân thân về gia đình)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022 [trans: Nguyen Ngoc Dien, *Textbook on Marriage and Family Law (Volume 1: Personal Relations in Family)*, National University Publisher, Ho Chi Minh City, 2022.]
- [5] Zhenyuan Jin, “Legal Thoughts on the Divorce Damage Compensation System”, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Atlantis Press, Vol. 416, 2020
- [6] Mingyu Hu, Xunan Luo, “Study on Application of Divorce Relief System in Chinese Civil Code”, *Beijing Law Review*, No. 11, 2020
- [7] Jason J. Lee, “Does China Have Alimony?: A Study of China’s Current Post-Divorce Financial Relief System”, *UCLA Pacific Basin Law Journal*, 36(2), 2019
- [8] Xu Li, “Compensatory Damages in Divorce Proceedings Under the Marriage Law of China”, *Singapore Journal of International & Comparative Law*, No. 7, 2003
- [9] Lê Khánh Linh và các tác giả khác, *Bộ luật Dân sự Trung Quốc 2020 (Bản dịch và lược giải)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021 [trans: Le Khanh Linh and other authors, *Chinese Civil Code 2020 (Translation and Commentary)*, National University of Hanoi Publisher, 2021]
- [10] Le Truong Son, Nguyen Xuan Quang, “Fault is not a condition for determination of liability for non-contractual damage - A development in human rights protection in Vietnam”, *The Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 08, No. 01, 2023, DOI: 10.2478/vjls-2023-0005
- [11] Qian Wu, “Foreign Divorce Damage Compensation System and Its Inspiration to Our Country”, *International Journal of Education and Humanities*, Vol. 7, No. 3, 2023

25 Khoản 2 Điều 592 BLDS năm 2015.